

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 06/2000/TT-TCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan;

Căn cứ nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau,

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và của các bên hợp doanh (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của hải quan theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện quy định tại Điều 71, Điều 76 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2000/NĐ-CP):

Khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu (bao gồm thiết bị, máy móc, vật tư, phương tiện vận tải nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất và hàng hóa nhập khẩu khác) doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải nộp cho cơ quan hải quan bản sao chính thức kế hoạch nhập khẩu (nộp khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên. Các lần sau, mỗi lần làm thủ tục nhập khẩu phải xuất trình bản chính kèm phiếu theo dõi) do Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt, trừ việc nhập khẩu phụ tùng thay thế, doanh nghiệp được trực

tiếp làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan, không cần văn bản phê duyệt nhập khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu tại cơ quan hải quan không phải có văn bản phê duyệt của Bộ Thương mại (trừ hàng hóa nằm trong danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện).

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện như quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói chung (trừ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp nằm trong các khu công nghiệp tập trung có quy định cụ thể riêng). Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định chung về thủ tục hải quan và quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định được phép kiểm tra tại nhà máy, chân công trình hoặc kho của doanh nghiệp.

Đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu sản xuất, hàng xuất khẩu nếu nhà máy của doanh nghiệp ở khu chế xuất, khu công nghiệp thì được kiểm tra tại nhà máy.

Đối với các trường hợp khác, căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp và khả năng quản lý của hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định áp dụng quy định trên cho từng nhà máy.

5. Trừ hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP còn tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều phải chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thương mại thì khi duyệt kế hoạch nhập khẩu, Bộ Thương mại đã quy định rõ danh mục và trị giá hàng được nhập khẩu miễn thuế, danh mục hàng và trị giá hàng được nhập khẩu nhưng phải nộp thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác.

Cơ quan hải quan căn cứ vào quy định tại các văn bản trên để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Thủ tục miễn thuế, hoàn thuế thực hiện theo các quy định hiện hành.

II. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Nhập khẩu:

1.1. Về giám định đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều 73 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP: Cơ quan cấp giấy phép đầu tư chịu trách nhiệm xem xét vấn đề này. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan căn cứ vào kế hoạch nhập khẩu đã được Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt, không yêu cầu doanh nghiệp nộp hay xuất trình chứng thư giám định.

Thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu nêu ở điều này là thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu để tạo tài sản cố định (bao gồm cả trường hợp thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ). Nguyên liệu vật tư nhập khẩu để sản xuất ra sản phẩm không thuộc diện điều chỉnh tại Điều 73 này.

1. 2. Nơi làm thủ tục hải quan:

Đối với hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP: Doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu loại hàng hóa này tại đơn vị hải quan nơi có trụ sở chính hoặc chi nhánh, nhà máy của doanh nghiệp.

Trường hợp ở những nơi đó không có hải quan thì doanh nghiệp được chọn nơi nào doanh nghiệp thấy thuận tiện nhất, nhưng đã làm thủ tục ở nơi nào thì chỉ được làm ở nơi đó cho đến khi nhập khẩu hết loại hàng này. Trong trường hợp đặc biệt và được Tổng cục Hải quan chấp nhận, doanh nghiệp được lựa chọn đơn vị hải quan khác nơi đơn vị có trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy để làm thủ tục.

Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại điểm này không phải tính thuế khi làm thủ tục nhập khẩu. Đối với hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải nộp thuế giá trị gia tăng thì vẫn phải tính thuế theo quy định.

Đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện miễn thuế, doanh nghiệp có thể làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu nhập hoặc tại hải quan nơi có nhà máy của doanh nghiệp, trừ hàng tiêu dùng nhập khẩu theo loại hình kinh doanh thì nhất thiết phải làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu nhập.

Hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, để gia công phải làm thủ tục nhập khẩu tại một đơn vị hải quan cho đến khi hết kế hoạch nhập khẩu hoặc hết hợp đồng gia công.

2. Xuất khẩu:

2.1. Vấn đề tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa quy định tại giấy phép đầu tư:

Doanh nghiệp có trách nhiệm trực tiếp báo cáo với cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tỷ lệ xuất khẩu.

Các cơ quan này chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, xem xét điều chỉnh tỷ lệ xuất khẩu và xử lý vi phạm. Riêng đối với những doanh nghiệp có kho bảo thuế thì cơ quan hải quan có trách nhiệm

theo dõi tỷ lệ này để giải quyết các vấn đề về thuế.

2.2. Về hàng hóa xuất khẩu:

Doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu theo quy định về hàng xuất khẩu đối với từng loại hình xuất khẩu: xuất kinh doanh; xuất sản xuất xuất khẩu; tái xuất; xuất gia công...

Đối với hàng tạm xuất có thời hạn để sửa chữa, bảo hành, doanh nghiệp có văn bản đề nghị được tạm xuất để sửa chữa, bảo hành. Văn bản đề nghị phải ghi rõ thời gian và cửa khẩu tái nhập và phải được trưởng hải quan cửa khẩu xuất chấp nhận. Trường hợp có lý do chính đáng doanh nghiệp có thể được trưởng hải quan cửa khẩu gia hạn thêm thời gian tái nhập 1 (một) lần không quá 3 tháng. Nếu quá thời hạn mà không tái nhập thì cơ quan hải quan phải lập biên bản vi phạm để xử lý.

2.3. Đối với hàng sản xuất xuất khẩu, khi xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp có thể thực hiện 1 trong 2 phương thức sau:

2.3.a) Doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu tại đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu Hải quan niêm phong hồ sơ và mẫu nguyên liệu chính giao chủ hàng chuyển tới hải quan cửa khẩu xuất để hải quan cửa khẩu xuất kiểm hóa và làm thủ tục xuất. Sau khi làm xong thủ tục xuất, hải quan cửa khẩu niêm phong lại mẫu giao chủ hàng xuất trình lại với hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu. Hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu niêm phong lại mẫu này, giao chủ hàng bảo quản để làm thủ tục cho lô sau. Hoặc:

2.3.b) Doanh nghiệp không mở tờ khai xuất khẩu tại đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu thì làm công văn gửi hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu và hải quan cửa khẩu xuất đề nghị được làm thủ tục xuất tại cửa khẩu xuất.

Ngoài các nội dung về hàng hóa (tên hàng, lượng hàng...) phải nêu rõ hàng xuất khẩu thuộc kê khai nhập khẩu nguyên liệu số..., ngày..., cửa khẩu xuất. Kiểu theo công văn là bản định mức nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm đó.

Đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu kiểm tra mẫu, nội dung của công văn, ghi ý kiến đề nghị hải quan cửa khẩu xuất cho mở tờ khai xuất khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu tại hải quan làm thủ tục xuất.

Trường hợp nguyên liệu nhập khẩu sau khi sản xuất ra sản phẩm mà hình dáng, tính chất thay đổi (ví dụ: nguyên liệu nhập khẩu là hạt nhựa, thành phẩm là bao bì, túi nylon...; nguyên liệu nhập khẩu là dược liệu, thành phẩm là thuốc chữa bệnh... không thể đối chiếu được thì không nhất thiết phải niêm phong mẫu, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về định mức và sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu đã nhập khẩu trước đó.

Việc luân chuyển hồ sơ giữa hai đơn vị hải quan được tiến hành như sau:

Sau khi làm xong thủ tục xuất khẩu cho lô hàng, hải quan cửa khẩu xuất chuyển cho hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu 1 bộ hồ sơ, trả chủ hàng 1 bộ và hải quan cửa khẩu xuất lưu 1 bộ.

2.3.c) Nơi thanh toán khoản về thuế là đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu.

3. Vấn đề doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh bán sản phẩm của mình sản xuất cho các doanh nghiệp khác trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP:

Việc mua bán giữa các doanh nghiệp này thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế. Hải quan không làm thủ tục cho việc mua bán này.

Khi doanh nghiệp (mua hàng) xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hải quan làm thủ tục như đối với lô hàng xuất khẩu, hải quan không yêu cầu chủ hàng chứng minh nguồn gốc nguyên liệu hoặc bán sản phẩm sản xuất ra sản phẩm đó, không yêu cầu giải trình các định mức và không có trách nhiệm xác nhận các định mức thực tế.

4. Thủ tục hải quan đối với trường hợp doanh nghiệp đầu tư nước ngoài xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài nhưng hàng không xuất ra khỏi Việt Nam mà giao trong nước theo chỉ định của thương nhân nước ngoài (xuất khẩu tại chỗ):

4.1. Thủ tục xuất khẩu (thủ tục giao hàng).

4.1.a) Doanh nghiệp xuất khẩu (doanh nghiệp giao hàng):

Trên cơ sở hợp đồng xuất khẩu ký với doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp đến hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên, phụ liệu sản xuất ra sản phẩm đó để mở tờ khai và làm thủ tục xuất khẩu như đối với một lô hàng xuất khẩu thông thường, phù hợp với loại hình. Hợp đồng phải có điều khoản quy định giao hàng tại Việt Nam, ghi rõ tên, địa chỉ doanh nghiệp nhập khẩu (doanh nghiệp nhận hàng).

Sau khi tờ khai xuất khẩu đã được đăng ký, doanh nghiệp tự tổ chức việc giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu theo chỉ định của người mua nước ngoài như quy định trong hợp đồng.

4.1.b) Nhiệm vụ của hải quan làm thủ tục xuất:

Làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu và thực hiện chính sách thuế cho lô hàng như thủ tục đối với những lô hàng xuất khẩu khác, niêm phong hồ sơ hải quan giao cho doanh nghiệp xuất khẩu để xuất trình cùng với hàng hóa cho hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại nơi giao nhận hàng hóa giữa hai doanh nghiệp. Sau khi nhận lại tờ khai đã ghi kết quả kiểm hóa do đơn vị hải quan làm thủ tục nhập chuyển lại thì lãnh đạo ký xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan.

4.2. Thủ tục nhập khẩu (thủ tục nhận hàng):